

Một số đề xuất về mô hình hợp tác giữa trường đại học và các đối tác

TS. PHẠM THỊ THANH HỒNG & TS. NGUYỄN DANH NGUYÊN

Viện Kinh tế & Quản lý, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội

Những năm gần đây, hệ thống giáo dục đại học trên thế giới đã và đang trong xu thế chuyển mình mạnh mẽ từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tới đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý, quy trình thực hiện hoạt động và các mối quan hệ với các đối tác. Những thay đổi trong các trường đại học do nhiều nguyên nhân tác động, có thể bao gồm: (1) xu thế toàn cầu hóa và quốc tế hóa đối với mọi tổ chức từ doanh nghiệp cho đến phi doanh nghiệp (Deresky, 1997; Valls, 1998); (2) Cơ cấu hoạt động tại các tổ chức thay đổi sang dạng ma trận hoặc dạng mạng lưới và xu thế đã đẩy mạnh các hình thức liên kết chiến lược và linh hoạt thích ứng giữa các tổ chức; (3) Các tổ chức chỉ hoạt động qua mạng (tổ chức ảo) cũng ra đời ngày một nhiều hơn; (4) Nền kinh tế dựa trên tri thức ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn, kéo theo sự phát triển của lĩnh vực dịch vụ, đồng thời các nguồn nhân lực và chuyên gia trong mỗi ngành được nhận diện như một hàng hóa chiến lược, kết hợp với khả năng sử dụng công nghệ thông tin (Burns and Yazdifar, 2001) ngày càng triệt để; (5) Khách hàng, người sử dụng các sản phẩm và dịch vụ cũng được đào tạo tốt hơn, và do đó, trở nên khác biệt hơn, các lựa chọn của họ trở nên rộng hơn và thông tin ra quyết định cho người sử dụng cũng trở nên chuyên biệt hơn và ngày càng được chú trọng hơn (Parker, 2001); (6) Chất lượng và mức độ rõ ràng trong giải trình trở thành những yếu tố quan trọng trong lĩnh vực tư nhân, lĩnh vực công và cả lĩnh vực không thu lợi nhuận, trong đó có giáo dục (Gould and Parker, 1999).

Bên cạnh những thay đổi đó, chúng ta cũng đang chứng kiến sự gia tăng số lượng sinh viên cả đại học và sau đại học, do sự định hướng của các chính phủ nhằm phổ cập các kiến thức chuyên ngành trong toàn xã hội cũng như do chính bản thân các trường đại học đang tìm kiếm những nguồn thu từ sinh viên. Đồng thời, áp lực đối với các trường đại học còn tăng lên, do các chương trình đào tạo với sự hỗ trợ của internet và công nghệ thông tin đã được lan truyền và cung cấp tới nhiều khu vực địa lý khác nhau.

Trước những áp lực như vậy, các trường đại học bắt đầu chú ý nhiều hơn tới việc hợp tác với các doanh nghiệp. Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, hợp tác giữa trường đại học và các đối tác (bao gồm cả các công ty đào tạo tư nhân) được thực hiện chủ yếu mới

chỉ dừng lại ở hoạt động đào tạo, trong đó mảng được phát triển khá rõ rệt hiện nay là, các trường liên kết với các trường đại học nước ngoài (thông qua các công ty đào tạo tư nhân) hoặc đại học trong nước khác, nhằm tạo ra những chương trình đào tạo hợp tác, thu hút lượng sinh viên trong nước, từ đó tạo ưu thế cạnh tranh trong lĩnh vực đào tạo đại học. Tuy nhiên, mảng liên kết hứa hẹn tương lai phát triển cho các trường đại học trở thành các trường có tầm cỡ quốc tế - liên kết giữa trường đại học và các doanh nghiệp, thì hiện còn bị bỏ ngỏ và phát triển chưa đồng đều trong các trường đại học.

1. Kinh nghiệm hợp tác giữa trường đại học và các doanh nghiệp tại một số quốc gia trên thế giới

Tại các nước công nghiệp phát triển, mối liên kết giữa các trường đại học và các ngành công nghệ đang dần trở thành một bộ phận của hệ thống đổi mới, tạo nên tam giác phát triển của xã hội tri thức, thể hiện mối quan hệ giữa chính phủ - trường đại học - doanh nghiệp.

1.1. Kinh nghiệm của Mỹ

Ở Mỹ, sự hợp tác giữa các trường đại học với doanh nghiệp được hỗ trợ bởi những chính sách đặc biệt của liên bang và của từng bang. Hệ thống giáo dục của Mỹ bao gồm nhiều loại trường, như các trường công, trường tư, trường tôn giáo,... không chịu sự quản lý tập trung của Nhà nước. Do đó, hệ thống này đã thúc đẩy cạnh tranh giữa các trường, nhằm thu hút sinh viên, mở rộng quy mô các ngành đào tạo, nâng cao chất lượng để tạo uy tín.

Từ năm 1995, một số cơ chế và phương pháp quản lý của các trường đại học Mỹ đối với hoạt động liên kết đã có nhiều thay đổi. Nhiều trường đại học với năng lực nghiên cứu tốt đã hình thành các công ty cổ phần công nghệ từ các hoạt động của vườn ươm công nghệ. Các doanh nghiệp đã được hình thành từ sự cấp phép (bản quyền công nghệ) và sự góp vốn của các đối tác đầu tư để hình thành các công ty công nghệ để sử dụng các phát minh của nhà trường như một cách thu lợi từ những sáng chế về công nghệ của mình. Các trường đại học lớn coi việc được cấp phép bản quyền công nghệ là một bộ phận cấu thành của các quan hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp. Năm tài chính 2002, đã

có 443 giấy phép của các trường cấp cho các doanh nghiệp theo kiểu doanh nghiệp chấp nhận rằng, những giấy phép đó cũng là cổ phiếu. Những thỏa thuận kiểu này tăng gấp 3 lần từ năm 2001 đến năm 2002.

Theo điều tra của hiệp hội các nhà quản lý thuộc các trường đại học, hoạt động chuyển giao công nghệ của các trường đại học tại Mỹ đã góp phần đưa 697 sản phẩm mới ra thị trường trong năm 2006, nâng tổng số sản phẩm mới trong giai đoạn 1998-2006 lên 4.350; 553 doanh nghiệp mới được thành lập trong năm 2006, đưa tổng số doanh nghiệp mới trong giai đoạn 1980-2006 lên 5.724, qua đó tạo ra hàng tỷ USD giá trị kinh tế và việc làm mới cho người lao động.

1.2. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Một trong những dự án điển hình và lớn nhất trong cơ chế hợp tác giữa Đại học Kyoto với Tập đoàn Canon là chẩn đoán bằng hình ảnh trong lĩnh vực y tế. Xuất phát từ những thách thức mà xã hội Nhật Bản và các nước phát triển khác phải đối mặt do tình trạng dân số già hóa, Canon và Đại học Kyoto phối hợp tiến hành các dự án quan trọng nhằm phát minh ra những công nghệ hiện đại để phát hiện sớm các căn bệnh hiểm nghèo, từ đó giảm chi phí xã hội chăm sóc người già. Đây là dự án có sự tài trợ của Bộ Giáo dục và Bộ Khoa học Công nghệ với số tiền tài trợ hàng năm khoảng 10 triệu USD, kéo dài 10 năm và được tiến hành từ năm 2000. Mục tiêu của dự án là đào tạo ra đội ngũ kỹ sư trong các trường đại học và đưa các sản phẩm khoa học công nghệ đến giai đoạn thương mại hóa.

Một ví dụ khác, Đại học Keio là trường đại học tư thực đầu tiên được thành lập vào năm 1858 và là một trong những trường danh tiếng nhất của Nhật Bản, cũng đã triển khai hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp một cách rất mạnh mẽ. Hợp tác giữa Đại học Keio với các doanh nghiệp chủ yếu là hợp tác về chuyển giao công nghệ từ trường đại học tới các doanh nghiệp. Trong tổng số ngân sách dành cho nghiên cứu khoảng 160 triệu USD của Keio năm 2006, thì có 61,4% là khoản đầu tư của chính quyền trung ương và địa phương; 29,5% tiền hỗ trợ là từ các công ty tư nhân. Nhờ sự khuyến khích của chính phủ và luật xúc tiến chuyển giao công nghệ, năm 2006, Keio đã nộp 323 đơn xin cấp bằng phát minh sáng chế trong và ngoài nước, 43 doanh nghiệp chấp nhận sử dụng các phát minh sáng chế của trường và số dự án hợp tác nghiên cứu là 35 đã nâng khoản tiền thu cho trường lên 700 triệu Yên, cùng với số giấy phép được cấp là 218.

1.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Từ đầu năm 1980, các chiến lược vì mục tiêu tăng cường năng lực nghiên cứu đã chiếm vị trí trung tâm trong các chính sách phát triển của Trung Quốc. Một trong những thay đổi rất quan trọng trong chính sách phát triển khoa học công nghệ là thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu tại các trường đại học lớn được nhà

nước cấp vốn và thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu.

Trước đây, doanh nghiệp của các trường đại học chủ yếu làm nhiệm vụ hậu cần cho hoạt động học tập của sinh viên, như tạo việc làm thêm, cung cấp kinh phí bổ sung cho các trường đại học. Chỉ từ giữa thập niên 1980, khi hoạt động thương mại hóa phát triển, thì các nghiên cứu ở các khoa mới trở thành nhiệm vụ quan trọng của những doanh nghiệp trong trường đại học, mặc dù hầu hết các công ty này lại không hoạt động trong lĩnh vực công nghệ. Năm 2001, đã có 40% công ty của trường đại học tham gia vào các hoạt động liên kết trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Doanh số của các công ty này chiếm tỷ lệ 2,3% doanh số của các công ty công nghệ cao của cả nước, khoảng một nửa doanh thu của các công ty là do các công ty của Đại học Bắc Kinh và Đại học Thanh Hoa đóng góp. Theo ước tính của Bộ Giáo dục Trung Quốc, chỉ 10% công trình nghiên cứu và hoạt động đổi mới của trường đại học được thương mại hóa. Tuy nhiên trong tương lai, con số này sẽ tiếp tục tăng do các cán bộ của các trường đại học Trung Quốc tham gia trực tiếp vào chính sách phát triển kinh tế địa phương ngày càng nhiều, do đó mối quan hệ giữa tri thức và thực tiễn khá bền chặt. Nhiều trung tâm chuyển giao công nghệ của các trường đại học đã được ra đời trong thời gian gần đây.

2. Liên kết giữa các trường đại học và doanh nghiệp tại Việt Nam

Hiện nay, mặc dù hoạt động liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp đang được các trường đại học và các doanh nghiệp quan tâm tiến hành, song các hoạt động này vẫn còn nhỏ lẻ, tự phát, chưa hiệu quả và chưa phát huy hết tiềm năng. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là cả nhà trường và doanh nghiệp chưa tìm ra được hình thức liên kết, hợp tác có hiệu quả. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, các hình thức liên kết nhà trường - doanh nghiệp rất phong phú, đa dạng cả về hình thức và nội dung. Tuy nhiên, xét trong điều kiện cụ thể tại Việt Nam, có thể áp dụng các hình thức liên kết sau đây: (1) Liên kết đào tạo, (2) hợp tác nghiên cứu, (3) chuyển giao công nghệ, (4) xây dựng vườn ươm doanh nghiệp, (5) thành lập doanh nghiệp trong trường đại học và thành lập trường đại học trong doanh nghiệp, và (6) thành lập trung tâm hỗ trợ việc làm cho sinh viên.

Để mở rộng và nâng cao chất lượng liên kết, đòi hỏi phải có nỗ lực đồng bộ của các nhà đào tạo, nhà sử dụng và đặc biệt là sự hỗ trợ của chính sách theo hướng tạo cơ chế tự chủ và tạo động lực cho cả hai phía, đặc biệt là phía các cơ sở đào tạo. Cần chú ý một số điểm khi thực hiện mô hình liên kết nhà trường với doanh nghiệp như sau:

(Xem tiếp trang 55)

hạt nhân nghiên cứu. Năm 2011, Viện đang đào tạo 40 nghiên cứu sinh và tổ chức một số khóa đào tạo công nghệ điện hạt nhân kết hợp với các đối tác nước ngoài cho cán bộ của các cơ quan có liên quan như chủ đầu tư EVN, các công ty xây lắp, các trường đại học, viện nghiên cứu và các cơ quan quản lý nhà nước. Ngoài đào tạo tiến sỹ, thạc sỹ về công nghệ hạt nhân, theo phân công của Ban chỉ đạo về đào tạo phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, Viện NLNTVN đang chuẩn bị các chương trình và tài liệu đào tạo về kỹ thuật hạt nhân cho các cán bộ kỹ thuật tham gia xây dựng, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng nhà máy điện hạt nhân.

Trong năm 2011, mặc dù có nhiều khó khăn thách thức khách quan, nhưng Viện NLNTVN đã nỗ lực phấn đấu, đạt được nhiều kết quả trong nghiên cứu và xây dựng tiềm lực. Các hoạt động của Viện đã góp phần xây dựng các cơ sở hạ tầng quan trọng cho phát triển điện hạt nhân và phục vụ hiệu quả cho triển khai thực hiện dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

Để tạo điều kiện thực hiện thành công Chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình đến năm 2020 và dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, Viện có một số kiến nghị với các cấp xem xét phê duyệt và thực hiện:

Kế hoạch tổng thể triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng quốc gia cần thiết cho phát triển điện hạt nhân; Đề án tăng cường năng lực nghiên cứu triển khai và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử và bảo đảm an toàn, an ninh; Triển khai tích cực Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 18 tháng 8 năm 2010 để nhanh chóng có được đội ngũ cán bộ cho ngành năng lượng nguyên tử; Chính sách thu hút cán bộ làm việc trong ngành năng lượng nguyên tử và các chế độ chính sách ưu đãi đối với chuyên gia trình độ cao; Chủ trương xây dựng Trung tâm KH&CNHN tạo tiền đề để Viện NLNTVN tiếp tục thực hiện đề án xây dựng và phát triển Viện NLNTVN trở thành một trung tâm nghiên cứu triển khai đạt trình độ tiên tiến. ♦

Một số đề xuất về mô hình hợp tác...

(Tiếp theo trang 41)

- Về nhận thức: Đào tạo gắn liền với nhu cầu doanh nghiệp, hiện vẫn còn là lĩnh vực mới mẻ, nên để đạt được thành công, trước hết cần phải có sự đổi mới về nhận thức và sự quyết tâm cao từ phía các nhà lãnh đạo nhà trường và doanh nghiệp.

- Kết hợp hài hòa lợi ích của nhà trường và doanh nghiệp: Liên kết nhà trường và doanh nghiệp phải được thực hiện theo nguyên tắc hai bên cùng có lợi. Mỗi bên đều phải nhìn rõ là khách hàng của nhau thì mới có thể có được các ứng xử theo nguyên tắc cùng có lợi.

- Đổi mới phương thức quản lý trường đại học: Như đã phân tích ở trên, để trường đại học có thể đáp ứng nhu cầu phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh, các trường đại học cần thay đổi phong cách quản trị theo hướng quản trị doanh nghiệp.

o Lấy sinh viên làm trung tâm.

o Tăng quyền tự chủ cho các trường đại học.

o Khuyến khích cạnh tranh giữa các trường đại học.

- Đầu tư cho hoạt động R&D: Để tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của mô hình liên kết đại học - doanh nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, Nhà nước cần đầu tư ở mức cao hơn cho hoạt động R&D và không xem nhẹ vai trò của nghiên cứu cơ bản.

- Phát triển thị trường công nghệ: Sự phát triển của thị trường công nghệ sẽ tạo thuận lợi cho sự hợp tác, vì theo quy luật của thị trường, cho phép những trao đổi tri thức trong khuôn khổ của giấy phép sử dụng sáng chế, từ đó thúc đẩy đầu tư cần thiết để có được những phát minh - sáng chế, mở ra "sân chơi" cho nhiều loại hình doanh nghiệp mới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bell, S. "University-Industry Interaction in the Ontario Centres of Excellence". *Journal of Higher Education*. Vol.67 No.3, 1996, pp. 322-348.
- [2] Burns, J. and Yazfidar, H. "Tricks or Treats". *Financial Management*. March 2001. pp.33-35.
- [3] Clarke, S.A., "University of California Customizes Education For Silicon Valley Titans", *Corporate University Review*, Vol.7 No.2, March-April 1999, pp.34-35.
- [4] Gould, G. and Parker, L.D., "Changing Public Sector Accountability: Critiquing New Directions", *Accounting Forum*, Vol.23 No.2, June 1999, pp.109-135.
- [5] Lâm Quang Thiệp và D.B. Johnstone, "Giáo dục đại học Hoa Kỳ", NXB Giáo dục Hà Nội, 2007.
- [6] Mavin, S. and Bryans, P., "Management Development in the Public sector - What Roles Can Universities Play", *The International Journal of Public Sector Management*, Vol.13 no.2, 2000, pp.142-152.
- [7] Parker, Lee D. "It's been a pleasure doing business with you: A strategic analysis and critique of university change management". *Symposium 2001: the University and the Corporate World*. 2001.
- [8] Trần Văn Tùng, "Mở rộng quy mô giáo dục đại học là con đường để Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh", *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế* số 7, 2007.
- [9] Valls, J.X.i. "The Challenges of Higher Education in the 21st Century, Globalisation and Universities" *New Training and Research Objectives-Mission: CMES: World Conference on Higher Education, Paris, UNESCO*, <http://lambda.upc.es/catedraunesco/revista/accesrestringit/retosde.htm>. 1998
- [10] Vũ Quang Việt, "Phát triển giáo dục: vai trò của học phí, trách nhiệm Nhà nước và khả năng ngân sách nhà nước", *Thời đại mới*, số 13, Tháng 3/2008.
- [11] Yasin, M.M., Czuchry, A.J., Martin, J., and Feagins, R., "An Open System Approach to Higher Learning: the Role of Joint Ventures with Business", *Industrial Management & Data Systems*, May 2000, pp.227-233.